TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11/5/2022
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giang Phước Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Chung Thị Ngọc.
2. Bà Lâm Lệ Oanh.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc "Xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị Phương D**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Địa chỉ: ấp H, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.
2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1988.
Địa chỉ: Khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang;

Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương D trình bày: Bà và ông Nguyễn Ngọc S kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21/5/2014. sau đó vợ chồng về chung sống cùng với cha mẹ ruột của bà tại ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu chung sống cùng nhau rất hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S không lo làm ăn, chỉ ăn chơi không lo cuộc sống vợ con, ông S mượn nợ để đi đánh bạc nhiều lần, bà có nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông S không thay đổi mà tiếp tục đánh bạc. Từ tháng 5/2019 ông S bỏ nhà đi không còn chung sống cùng bà,

từ đó cho đến nay ông S không thăm nom hay phụ giúp kinh tế để bà nuôi con. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông S, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc S.

Về con chung: Quá trình chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh ngày 04/3/2018. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 03/12/2020 ông S khai còn thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn, ông yêu cầu cho ông thời gian để sửa chửa sai lầm không chơi cờ bạc nữa.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà D ly hôn với ông S. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của bà D. Về phần tài sản chung và nợ chung: bà D trình bày không có, ông S không có ý kiến nên không phải xem xét. Án phí: Buộc bà D chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Ngọc S cư trú tại Khu phố H, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Ngọc S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà ông S vắng mặt, ngày 21/12/2020 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của bà D, bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông S. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/4/2022 nhưng bị đơn là ông S vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 11/5/2022 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 21/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Phương D và ông Nguyễn Ngọc S kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn và được UBND xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 21/5/2014. Như vậy hôn nhân của ông, bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại Phiên Tòa hôm nay bà D vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là yêu cầu ly hôn với ông S, ông S đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông S vắng mặt. Theo lời khai của bà D trong quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc, nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn, do ông S ăn chơi, cờ bạc không chăm lo cuộc sống vợ con, ông S mượn nợ để cờ bạc nhiều lần, bà khuyên nhủ nhưng ông S vẫn tiếp tục cờ bạc, đến tháng 5/2019 ông S bỏ nhà đi không còn chung sống cùng bà, từ đó cho đến nay ông S không thăm nom hay phụ giúp kinh tế cùng bà nuôi con. Tại bản tự khai ngày 03/12/2020, ông S trình bày ông đã sai khi không hiểu rõ tính chất của sự cờ bạc, đỏ đen nên dẫn đến nợ nần và làm cho vợ buồn mà muốn ly hôn ông, ông đã biết sai, làm lại từ đầu không còn cờ bạc nữa, ông xin thêm thời gian để hàn gắn cùng bà D. Qua xác minh của Tòa án tại ấp H, xã B, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh cho thấy bà D có đăng ký thường trú tại địa phương, ông S không có đăng ký thường trú hay tạm trú và hiện nay ông S không có sinh sống tại ấp H, bà D vẫn còn sinh sống tại địa phương; Về mâu thuẫn gia đình của bà D, ông S thì được biết ông S thường xuyên cờ bạc gây nợ nần nhiều lần, hiện bà D ông S không còn chung sống cùng nhau. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*". Qua trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà D, ông S phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và ông bà không còn chung sống một thời gian dài, hiện nay không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng là

vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Xét thấy hôn nhân của D, ông S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà D được ly hôn với ông S.

[4] Về con chung: Ông, bà có hai con chung tên Nguyễn Huỳnh Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 07/6/2014 và Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh ngày 04/3/2018, hiện nay con đang sống cùng bà D, khi ly hôn bà D yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Xét thấy nguyện vọng của cháu Nghi là được sống cùng mẹ và cháu N, cháu Nh từ nhỏ do bà D nuôi dưỡng, chăm sóc, hiện nay con cũng đang do bà D nuôi dưỡng, các con đã thích nghi với môi trường sống cùng bà D nên tiếp tục cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc 02 đứa con là tạo điều kiện cho các cháu phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, nghị cần giao cả hai con chung cho bà D nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà D không yêu cầu ông S cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông S không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà D khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Phương D với ông Nguyễn Ngọc S.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huỳnh Phương N, giới tính nữ, sinh ngày 07/6/2014 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh Nh, giới tính nữ, sinh ngày 04/3/2018 cho bà Huỳnh Thị Phương D tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà D không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có tài sản chung và nợ chung, ông S không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Phương D phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0009153 ngày 23 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà D không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giang Phước Thành

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh KG;*
- *VKSND tỉnh Kiên Giang*
- *VKSND thành phố H;*
- *Chi cục THADS thành phố H;*
- *UBND xã B, huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*